

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 20/2019/DS-ST

Ngày: 09-8-2019

“*V/v Tranh chấp Quyền sử dụng đất*”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Kim Chung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Hồng
2. Bà Hoàng Vạn Sinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Mai – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Toàn – Kiểm sát viên.

Ngày 09-8-2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2019/TLST-DS ngày 09-01-2019 về tranh chấp Quyền sử dụng đất theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2019/QĐXXST-DS ngày 09-7-2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị T; đều có mặt

Cùng trú tại: Tổ dân phố 3, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Bà Võ Thị L; có mặt

Trú tại: Số 82 -84 Nguyễn Chí T, tổ dân phố 3, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân thị xã Buôn Hồ

Địa chỉ: Số 02 Trần Hưng Đ, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Phú L; (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Anh Hồ Thanh V; có mặt

Trú tại: Số 82 -84 Nguyễn Chí T, tổ dân phố 3, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Anh Hồ Thanh Đ; có mặt

Trú tại: Tổ dân phố 3, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

4. Chị Hồ Thị Thanh L; vắng mặt, (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Trú tại: Tổ dân phố 9, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

5. Ông Hồ Thanh B (đã chết)

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng: Bà Võ Thị L, anh Hồ Thanh Đ, chị Hồ Thị Thanh L, anh Hồ Thanh V.

- Người làm chứng:

1. Ông Bạch Văn M; vắng mặt

Trú tại: Tổ dân phố 3, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; (Xin xét xử vắng mặt)

2. Ông Hoàng Văn H; vắng mặt

Cán bộ địa chính phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk;

(có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Văn T trình bày:

Vào năm 2005, vợ chồng ông T và bà T có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Bạch Văn M và bà Nguyễn Thị V, diện tích khoảng 11.500m². Thửa đất tọa lạc tại Tổ dân phố 3, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk và canh tác, sử dụng ổn định từ đó đến nay.

Đến tháng 01/2012 vợ chồng ông T được Nhà nước cấp GCNQSD đất đối với diện tích 7020m², diện tích đất còn lại chưa được cấp GCNQSD đất là khoảng 4430m². Sau đó, gia đình bà Võ Thị L đến nhà vợ chồng ông T mượn một phần diện tích đất để canh tác hoa màu nên vợ chồng ông T đã đồng ý cho gia đình bà L mượn phần diện tích 1559m² và có tứ cận như sau:

- Phía Đông giáp ranh giới vườn cà phê Út Q;

- Phía Tây giáp ranh giới suối nước chảy (Cầu bà T) – Nay là đường Lê Quý Đ;

- Phía Nam giáp đường Hương lộ dọc từ ranh vườn Út Q đến suối nước (Cầu bà Tỉnh) – Nay là đường Lê Quý Đ;

Phía Bắc giáp ranh giới vườn cà phê 5 Hường (Võ Đình H và Võ Đình L) dọc tới suối chảy (Cầu bà T).

Vừa qua, vợ chồng ông T tiến hành làm thủ tục đăng ký kê khai cấp GCNQSD đất đối với thửa đất nói trên thì phát hiện phần diện tích 1559m² mà vợ chồng ông T đã cho gia đình bà L mượn, bà L đã đi làm thủ tục và được cấp GCNQSD đất theo GCNQSD đất số BQ 073559 do UBND thị xã Buôn Hồ cấp ngày 19/12/2013, thuộc thửa đất số 52, tờ bản đồ số 8 đối với phần diện tích 1559m² cho bà L.

Do đó, vợ chồng ông T đã nhiều lần yêu cầu gia đình bà L trả lại đất cho vợ chồng ông T nhưng gia đình bà L không đồng ý nên vợ chồng ông T đã làm đơn kiến

ng nghị gửi đến UBND phường A để giải quyết. Vào ngày 29/11/2018, UBND phường A đã đi kiểm tra xác minh thực tế theo đơn kiến nghị của vợ chồng ông T. Đến ngày 02/12/2018 phía UBND phường A đã mở phiên hòa giải giữa hai gia đình nhưng kết quả hòa giải không thành. Việc gia đình bà L lấn chiếm là xâm phạm trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của vợ chồng ông T.

Vì vậy, ông T và bà T đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ buộc gia đình bà Võ Thị L phải hoàn trả lại phần diện tích đất 1559m² nói trên cho vợ chồng ông T. Đồng thời tiến hành thu hồi, hủy GCNQSD đất số BQ 073559 do UBND thị xã Buôn Hồ cấp ngày 19/12/2013, thuộc thửa đất số 52, tờ bản đồ số 8 và bồi thường thiệt hại cho vợ chồng ông T theo quy định của pháp luật.

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà Trần Thị T trình bày đồng ý với lời trình bày của ông T (chồng bà T) và không bổ sung gì thêm.

Tại Bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Võ Thị L trình bày: Năm 1978 vợ chồng bà L có khai hoang mảnh đất trồng cây vị trí thửa đất: Phía Nam giáp đường đi, phía Tây giáp suối bà T, phía Bắc giáp con mương và giáp đất ông M, phía Đông giáp theo đường đi với diện tích là 1559 m² tại tổ dân phố 3, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Lô đất đã được cơ quan nhà nước cấp giấy CNQSDĐ số BQ 073559 ngày 19/12/2013, thuộc thửa đất số 52, tờ bản đồ số 8. Thửa đất nói trên gia đình bà L canh tác ổn định không tranh chấp với ai. Trước đó vào thời điểm năm 2000 do cà phê hạ giá, cuộc sống khó khăn nên gia đình bà L có vay vốn đào ao thả cá trên thửa đất nói trên. Sau đó vào năm 2005 thiên tai lũ lụt, đập bị vỡ nước lớn đã phá phẳng hồ cá của gia đình bà L. Sau đó con bà L là Hồ Thanh D trồng cỏ nuôi bò cho đến năm 2016 thì bà L trồng sầu siêng trên lô đất trên.

Trong năm 2018 Ủy ban phường có mời bà L với ông T lên làm việc. Ông T cho rằng chồng bà L là ông Hồ Thanh B (đã chết năm 2006) mượn của ông T thửa đất trên để làm hoa màu. Bà L không biết ông T có ý gì. Trong khi thửa đất trên gia đình bà L đã canh tác từ năm 1978. Đất của gia đình bà L khai hoang năm 1978 và canh tác ổn định cho đến nay đã nhiều năm, bà con bên cạnh cầu bà T từ già đến trẻ ai cũng biết thửa đất trên là của gia đình bà L. Ông T từ đâu đến bảo đất không phải của gia đình bà L, bà L không chấp nhận và không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T, bà T.

**** Quá trình giải quyết vụ án, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án trình bày:***

- Đại diện Ủy ban nhân dân thị xã Buôn Hồ trình bày: Về trình tự, thủ tục đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Võ Thị L là đúng quy định theo Luật đất đai. Đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ căn cứ vào quá trình thẩm tra xác minh và các quy định của pháp luật để xem xét, giải quyết vụ án theo quy

định. Ủy ban nhân dân thị xã Buôn Hồ đã cung cấp toàn bộ hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Tòa án.

- Ông Bạch Văn M trình bày: Ông Bạch Văn M và ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị T có quan hệ quen biết, vào năm 2005, vợ chồng ông M có chuyển nhượng cho vợ chồng ông T và bà T một lô đất tính theo cây cà phê là 900 cây cà phê với giá chuyển nhượng là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng). Lô đất ông M chuyển nhượng có vị trí tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất của ông Út Q; Phía Tây giáp suối nước; Phía Nam giáp đường đi; phía Bắc giáp đất của ông Ba Hường. Khi ông M chuyển nhượng không đo diện tích cụ thể, chỉ tính theo hàng cà phê, lúc đó bà Võ Thị L đã canh tác ở đó. Ông M xác nhận không chuyển nhượng cho ông T và bà T diện tích đất hiện nay bà L đang sở hữu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 073559 do Ủy ban nhân dân thị xã Buôn Hồ cấp cho hộ bà Võ Thị L vào ngày 19/12/2013 với diện tích 1559m². Phần diện tích đất đang tranh chấp là của bà L, ông T và bà T yêu cầu bà L trả phần diện tích đất trên là không đúng.

- Anh Hồ Thanh V (là con của bà L) trình bày: Đối với yêu cầu của ông T và bà T anh V không đồng ý, lô đất diện tích 1559m² là tài sản chung của hộ gia đình anh V, do bố mẹ anh V khai hoang từ năm 1978, đến năm 2013 gia đình anh V mới kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, từ khi sinh ra và lớn lên cho đến khi biết nhận thức thì anh V đã thấy bố mẹ anh V canh tác trên lô đất này và nuôi sống các con. Hiện nay các anh chị anh V đã ra sống riêng, một mình anh V còn sống chung với bà L. Anh V và bà L đã canh tác ổn định từ năm 1978 cho đến nay không có tranh chấp với ai. Đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết công bằng để gia đình anh yên tâm canh tác.

Anh Hồ Thanh Đ, chị Hồ Thị Thanh L (là con của bà L) có chung quan điểm và trình bày: Lô đất hiện đang tranh chấp là do bố mẹ của anh Đ, chị L khai hoang năm 1978, tại thời điểm cấp giấy CNQSD đất thì lúc này anh Đ, chị L là thành viên trong gia đình, là người trực tiếp cùng bà L canh tác thửa đất hiện đang tranh chấp, anh Đ, chị L không có yêu cầu gì khác và đề nghị giải quyết để bà L ổn định canh tác.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa các bên đương sự giữ nguyên quan điểm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào lời trình bày của các bên đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về khởi kiện và thụ lý vụ án: Ngày 21-12-2018 ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị T nộp đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo, ngày 02-01-2019 Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ ra thông báo sửa chữa, bổ sung đơn khởi kiện, ngày 04-01-2019 ông T nộp đơn khởi kiện bổ sung, ngày 07-01-2019 Tòa án thông báo nộp tiền tạm ứng án phí, ngày 08-01-2019 nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị T nộp tạm ứng án phí và Tòa án thụ lý vụ án là đúng quy định tại Điều 191 và 195 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về Quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a,c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về trình tự thủ tục tố tụng*: Người làm chứng ông Bạch Văn M và ông Hoàng Văn H đã được triệu tập hợp lệ mà vẫn vắng mặt, ông M đã có lời khai tại Tòa án và xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt người làm chứng là phù hợp với khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] *Về nội dung vụ án*:

[4.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị T về việc buộc bà Võ Thị L phải trả diện tích 1559m² đất tại TDP3, phường A, thị xã B, Hội đồng xét xử xét thấy: Năm 2005 ông T và bà T có nhận chuyển nhượng một lô đất diện tích khoảng 11.500m² của ông Bạch Văn M và bà Nguyễn Thị V tọa lạc tại tổ dân phố 3, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk và canh tác sử dụng ổn định cho đến nay. Tháng 1/2012 ông T và bà T được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đôi với diện tích 7.020m², số diện tích đất còn lại chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông T và bà T cho rằng có cho bà Võ Thị L mượn một phần diện tích đất là 1.559m² để canh tác hoa màu. Tuy nhiên, ông T và bà T không có tài liệu gì để chứng minh việc có cho bà L mượn đất. Thêm đó, tại biên bản lấy lời khai ngày 09-4-2019 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, ông Bạch Văn M trình bày có chuyển nhượng cho ông T và bà T một lô đất với giá 60.000.000 đồng, lúc đó bà L đã canh tác ở đó, ông M khẳng định không chuyển nhượng lô đất diện tích 1559m² hiện nay bà Lính đang sử dụng cho ông T và bà T, lô đất 1559m² là của bà L tự khai hoang (việc khai hoang năm 1978 được xác định tại phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính số 3184 ngày 26/11/2013 của Văn phòng đăng ký quyền sử

dụng đất thị xã Buôn Hồ khi bà L đi đăng ký kê khai đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Mặt khác, vào năm 2011 khi bà L đăng ký kê khai để được cấp giấy chứng nhận QSDĐ thì chủ sử dụng đất liền kề là ông T đã xác nhận vào bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất và không có tranh chấp gì.

[4.2] Tại công văn số 520/UBND-TNMT ngày 26-4-2019, Ủy ban nhân dân thị xã Buôn Hồ cung cấp hồ sơ địa chính đối với thửa đất đang tranh chấp và trình bày Về trình tự, thủ tục đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Võ Thị L là đúng quy định theo Luật đất đai. Đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ căn cứ vào quá trình thẩm tra xác minh và các quy định của pháp luật để xem xét, giải quyết vụ án theo quy định.

Như vậy, yêu cầu của ông T và bà T yêu cầu bà Lính trả diện tích đất 1559m² là không có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4.3] Xét yêu cầu của ông T, bà T về việc thu hồi, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 073559, do Ủy ban nhân dân thị xã Buôn Hồ cấp cho hộ bà Võ Thị L ngày 19/12/2013 thuộc thửa đất số 52, tờ bản đồ số 08 và yêu cầu bồi thường thiệt hại là không có cơ sở, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4.4] Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 073559, do Ủy ban nhân dân thị xã Buôn Hồ cấp cho hộ bà Võ Thị L ngày 19/12/2013, tại thời điểm cấp thì trong hộ gia đình ngoài bà Võ Thị L là chủ hộ còn có các con là anh Hồ Thanh Đ, chị Hồ Thị Thanh L và anh Hồ Thanh V (cũng là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Hồ Thanh B), trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa những người này khẳng định lô đất hiện đang tranh chấp là do bố mẹ của họ khai hoang năm 1978, yêu cầu ông T, bà T dừng việc tranh chấp, ngoài ra không có yêu cầu gì khác nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[5] Về chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản là 2.000.000 đồng. Ông Nguyễn Văn T đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản số tiền 2.000.000 đồng. Do yêu cầu của ông T và bà T không được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị T phải chịu 2.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản (ông T và bà T nộp tạm ứng và đã chi phí xong), là phù hợp với quy định tại các Điều 155, Điều 156, Điều 157, Điều 158, Điều 163, Điều 164, Điều 165, Điều 166 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Về giá trị tài sản tranh chấp: Tại biên bản định giá tài sản ngày 18/6/2019, Hội đồng định giá tiến hành định giá như sau: Lô đất diện tích 1559m² có giá Nhà nước 93.540.000 đồng, giá thị trường là 233.850.000 đồng. Tổng giá trị đất và tài sản trên đất theo giá Nhà nước là 110.861.000 đồng. Tổng giá trị đất và tài sản trên đất theo giá thị trường là 251.171.000 đồng.

[7] Về án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị T phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 3 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Cụ thể, án phí dân sự sơ thẩm là 233.850.000 đồng x 5% = 11.692.500 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 164, Điều 165, khoản 2 Điều 299 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Các Điều 158, 221 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Các Điều 166, 179, 202, 203 Luật đất đai năm 2013.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị T về việc yêu cầu bà Võ Thị L phải trả diện tích 1559m² đất thuộc thửa đất số 52, tờ bản đồ số 08 có GCNQSD đất số BQ 073559 do UBND thị xã Buôn Hồ cấp ngày 19/12/2013 mang tên hộ bà Võ Thị L, có vị trí tứ cận theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ như sau: Phía Đông giáp đường Lê Quý Đ cạnh dài 70,47m; Phía Tây giáp suối nước cạnh dài 35,42m; Phía Nam giáp suối nước và đường Lê Quý Đ cạnh dài 26,35m; Phía Bắc giáp đất của ông T và bà T cạnh dài 60,52m.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản là 2.000.000 đồng. Ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị T phải chịu 2.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản (Ông T và bà T đã nộp và chi phí xong).

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị T phải chịu 11.692.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 2.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2017/0011326 ngày 08/01/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ; ông Nguyễn Văn Thọ và bà Trần Thị Tạo còn phải nộp 9.692.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Võ Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền

kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tx Buôn Hồ;
- Chi cục THADS tx Buôn Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SỞ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trương Kim Chung